

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Tr – sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 08, xã VTr, huyện VT, tỉnh H.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ph – sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã VTr, huyện VT, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn Tr trình bày: Ông và bà Lê Thị Ph tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà Ph chung sống hạnh phúc, nhưng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bà Ph muốn cho con gái kết hôn với người nước ngoài, ông Tr không

đồng ý dẫn đến mâu thuẫn và phát sinh tranh chấp. Ông và bà Ph không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2019 đến nay. Ông Tr yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Ph.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Tr và bà Ph có 02 con chung tên Trần Thị Phượng H, nữ, sinh ngày 26/7/1999 và Trần Thị Hồng Ng, nữ, sinh ngày 29/10/2000. Hai con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lê Thị Ph vắng mặt, chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn Tr và bà Lê Thị Ph là vợ chồng. Về con chung; tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn Tr khởi kiện bà Lê Thị Ph yêu cầu được ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà Ph tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2019, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì hôn nhân của bà Ph và ông Tr tại thời điểm xác lập là không hợp pháp. Bà Ph và ông Tr không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2019 đến nay. Ông Tr có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 131 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận ông Trần

Văn Tr và bà Lê Thị Ph là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Tr và bà Ph có 02 con chung tên Trần Thị Phượng H, nữ, sinh ngày 26/7/1999 và Trần Thị Hồng Ng, nữ, sinh ngày 29/10/2000. Hai con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn Tr phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 51, Điều 56; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn Tr và bà Lê Thị Ph là vợ chồng.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Văn Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí ông Tr đã nộp theo biên lai số 0000939 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (ông Tr đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vị Trung, h. Vị Thủy;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa**

Trần Thị Bé Ngọc

Nguyễn Thị Tua

Lê Thị Diệu